

Kỹ thuật nuôi cá Chiên lồng

1. Thiết kế lồng nuôi bằng thép

- Vật liệu: Toàn bộ khung lồng làm bằng sắt đẹt, mỗi cây dài 8m. Thùng phi nhựa, dây thép để liên kết phi sắt với khung lồng. Ngoài ra còn có dây neo cố định khung lồng.

- Thiết kế khung lồng: Lồng có kích thước 8m x 2,5m x 2m, gồm 1 dãy với 2 ô, mỗi ô kích thước 4m x 2m x 2,5m. Phao làm bằng thùng phi hoặc phi nhựa và được cố định với khung lồng. Toàn bộ các thanh sắt dọc và ngang được hàn gắn chặt với nhau tạo thành các vách lồng, mỗi vách gồm rất nhiều nan, các nan lồng cách nhau 1,5 cm. Sau đó các vách lồng sẽ được gắn lại với nhau bằng các bu lông tạo thành lồng. Các phi nhựa (phao) được liên kết với khung lồng bằng dây thép buộc vào cây luồng để đảm bảo cho lồng nổi.

2. Chọn vị trí nuôi

- Địa điểm đặt lồng bè phải có nguồn nước sạch, không bị ô nhiễm bởi nước thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp.

- Môi trường nuôi phải đảm bảo các yếu tố sau: pH 7,0 – 8,0; oxy hoà tan < 5 mg/lít; NH₃ < 0,01 mg/lít; H₂S < 0,01 mg/lít. Chọn nơi thông thoáng, không nên nuôi tại các điểm cuối của eo ngách. Độ sâu điểm đặt lồng trên hồ chứa có độ sâu lớn hơn 4m tại thời điểm mực nước hồ xuống thấp nhất.

- Mật độ lồng nuôi trên hồ chứa không quá dày. Mỗi cụm lồng không quá nhiều lồng tốt nhất mỗi cụm nuôi khoảng 3 – 5 lồng. Các cụm lồng cách nhau 10 – 15m.

3. Chọn giống và thả giống

- Cá giống phải khỏe mạnh, không dị hình, xây xát, kích cỡ đồng đều, không bị mất nhớt. Cá hoạt động linh hoạt, bơi lội nhanh nhẹn.

- Kích cỡ cá giống: Đối với nuôi trong lồng yêu cầu kích thước cá giống 20 – 25 cm. Cá giống này đã được nuôi trong ao cho đến khi đạt kích thước trên mới đưa ra thả trong lồng.

- Mật độ thả: Nuôi lồng trên hồ chứa thả 7,5 con/m³ lồng.

- Mùa vụ thả giống: Tốt nhất nên thả giống nuôi vào tháng 3 – tháng 10 và nuôi 2 vụ/năm.

- Khi thả cá, cân bằng môi trường bằng cách ngâm bao chứa cá vào lồng nuôi trong thời gian 10 – 15 phút, sau đó cho nước từ từ vào miệng túi và tiến hành thả cá.

4. Cho ăn

- Thức ăn cho cá Chiên sử dụng trong quá trình nuôi chủ yếu là các loại: thức ăn công nghiệp p, thức ăn tự chế biến và cá tạp.

- Dùng thức ăn công nghiệp dạng viên nổi và không tan trong nước sẽ hạn chế sự thất thoát thức ăn và giảm thiểu ô nhiễm nước nuôi. Cho cá ăn bằng thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn chế biến có hàm lượng đạm 18 – 30%.

- Thức ăn chế biến được làm từ các nguyên liệu sẵn có ở địa phương để phối chế thành thức ăn cho cá Chiên. Các nguyên liệu cần tính toán hợp lý để đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng, quan trọng nhất là đạm theo nhu cầu của cá Chiên. Thành phần thức ăn chế biến ta có thể sử dụng 1 trong 3 công thức sau:

+ Công thức 1: Cám gạo 60 % + bột ngô (bã p) 20% + bột cá 20%.

+ Công thức 2: Cám gạo 40% + bột ngô (bắp) 20% + khô dầu lạc 40% hoặc cho ăn cá tạp.

+ Công thức 3: Cho ăn cá tạp 100%.

- Các loại thức ăn tự chế được nấu chín để nguội và nắm thành từng nắm nhỏ để cho cá ăn trong sàn ăn. Cho cá ăn từ từ, từng ít một cho đến khi hết thức ăn, tránh hiện tượng cá tranh giành thức ăn quá mạnh, làm thức ăn tan vào nước ao gây thất thoát. Không nên cho cá Chiên ăn thức ăn dạng bột vì thức ăn bị tan trong nước vừa lãng phí vừa làm ô nhiễm môi trường nuôi.

- Thức ăn được chia đều làm 2 phần, cho cá ăn vào lúc sáng (6 – 7h) và chiều (17 – 18h). Cho cá ăn đúng giờ để tạo phản xạ cho cá.

- Trong quá trình nuôi cần theo dõi tăng trưởng của cá để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp. Chu kỳ điều chỉnh thức ăn là 10 ngày/1 lần. Cứ 10 ngày kiểm tra tốc độ sinh trưởng cá 1 lần trên cơ sở đó ước lượng được khối lượng cá trong ao. Lượng thức ăn cho ăn trong giai đoạn đầu bằng 5 – 6% khối lượng cá nuôi. Khi cá đạt cỡ 100g cho ăn 3 – 4%, khi cá đạt trên 200g cho ăn 2%.

5. Quản lý lồng nuôi

- Hàng ngày quan sát hoạt động của cá trong các lồng nuôi, tình hình sử dụng thức ăn và các hiện tượng bất thường khác xảy ra.

- Mỗi tuần vệ sinh lồng một lần, dùng bàn chải nhựa cọ sạch các cạnh bên lồng lưới. Việc vệ sinh lồng tiến hành trước các bữa ăn của cá.

- Trong quá trình vệ sinh cần kiểm tra lồng, phát hiện kịp thời các vết rách, rạn nứt để kịp thời khắc phục các vết rách nhằm hạn chế cá đi mất.

- Loại bỏ rác trôi nổi và các vật cứng vào khu bè nuôi.

- Vào mùa mưa lũ phải kiểm tra cá dây neo bè, di chuyển lồng vào vị trí an toàn khi có bão, lũ.

- Khi cá có các dấu hiệu bất thường sau cần phải có biện pháp xử lý ngay:

+ Thay đổi màu sắc bất thường;

+ Cá kém ăn hoặc bỏ ăn;

+ Cá bơi lội bất thường;

+ Cá bị lồi mắt, lở loét, xuất huyết trên thân.

6. Phòng trị bệnh

6.1 Bệnh nhiễm khuẩn

a) Dấu hiệu bệnh:

- Mầm bệnh là các vi khuẩn (*Aeromonas spp*) thường xuyên có mặt trong nước, các chất thải từ cá và có thể từ nguồn thức ăn (cá tạp ôi...).

- Cơ quan bị nhiễm: Vây, thân, mắt và các nội quan.

- Dấu hiệu bệnh: Các vết loét và xuất huyết trên thân, xơ vây, lồi và loét mắt.

- Cá bị nhiễm khuẩn khi: Nuôi cá với mật độ cao, chất lượng nước và thức ăn kém, cá bị xây sát do đánh bắt hoặc do kí sinh trùng bám.

b) Phòng và trị:

- Cần tính toán mật độ thả cho phù hợp.

- Thường xuyên vệ sinh lồng lưới để đảm bảo cho sự lưu thông nước và tránh làm tổn thương cá trong quá trình thao tác.

- Quản lý thức ăn và môi trường nước nuôi.
- Loại bỏ những con bị bệnh nặng.
- Tắm cho cá bằng iodine sau khi dùng kháng sinh.
- Trộn kháng sinh vào thức ăn cho cá ăn liền trong 7 ngày.

6.2 Bệnh nấm

a) Dấu hiệu bệnh:

- Cơ quan bị nhiễm: Cơ và các cơ quan bên trong.
- Hình thái nấm: Đám màu trắng, có thể nhìn thấy sợi.
- Bệnh ít gây chết nhưng làm mất giá trị của cá.

b) Cách phòng trị:

- Tránh gây tổn thương cho cá đặc biệt trong mùa lạnh.
- Loại bỏ cá bị nhiễm nặng.
- Xử lý bệnh bằng nước muối.

6.3 Bệnh Ký sinh trùng

a) Dấu hiệu bệnh:

- Tác nhân gây bệnh: Trùng bánh xe, sán, rận cá, bào tử trùng, đĩa...
- Cơ quan bị ảnh hưởng: Da, mang, vây và thân.
- Dấu hiệu: Cá bơi không định hướng, ngứa ngáy và hay cọ sát vào thành lồng. Cá chuyển màu sẫm, mang nhợt nhạt, da và mang có thể bị hoại tử, cá chết nhiều nếu không xử lý kịp và đặc biệt ở cá hương, cá giống.

b) Cách phòng và trị:

Tắm cho cá bằng 1 trong các hoá chất sau: CuSO₄ (0,5ppm), nước muối 3%. Khi xử lý cần chú ý cung cấp đủ ô xy hoà tan.

7. Thu hoạch

Sau 12 tháng khi cá đạt kích cỡ thương phẩm (1,5 – 2 kg) thì tiến hành thu tỉa cá đạt kích cỡ lớn, cá nhỏ hơn tiếp tục nuôi đến cuối vụ để đạt kích cỡ thương phẩm thì thu hoạch toàn bộ.